

Số: 251 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0240.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Người lấy mẫu : YS. Luân
Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước Đại Ngãi, TT. Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.
Ngày lấy mẫu : 22/4/2020
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)
Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2
Ngày nhận mẫu : 22/04/2020
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	23/04/2020
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	23/04/2020
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	1,12	2	22/04/2020
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ F-2012	0,31	0,3 - 0,5	22/04/2020
5	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B - 2012 (*)	14,00	250,00	23/04/2020
6	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	168,00	300,00	23/04/2020
7	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,21	2	22/04/2020
8	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	0,49	15	22/04/2020
9	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)	Không phát hiện	0,3	22/04/2020
10	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	22/04/2020
11	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	1,2	50	22/04/2020
12	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2012 (*)	0,35	3	22/04/2020
13	pH	TCVN 6492:2011 (*)	6,97	6,5 - 8,5	23/04/2020
14	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,006	0,3	22/04/2020
15	Sulphat (mg/L)	SMEWW 427 C - 2012	78,1	250	22/04/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0240.20

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

Handwritten signature

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 4 năm 2020

GIÁM ĐỐC



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

1	Chỉ số vàng	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
2	Chỉ số đỏ	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
3	Chỉ số xanh	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
4	Chỉ số tím	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
5	Chỉ số hồng	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
6	Chỉ số trắng	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
7	Chỉ số đen	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
8	Chỉ số nâu	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
9	Chỉ số xám	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
10	Chỉ số bạc	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
11	Chỉ số đồng	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
12	Chỉ số sắt	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
13	Chỉ số nhôm	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
14	Chỉ số kẽm	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
15	Chỉ số magie	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
16	Chỉ số canxi	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
17	Chỉ số photpho	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
18	Chỉ số lưu huỳnh	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
19	Chỉ số clo	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
20	Chỉ số brom	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
21	Chỉ số iốt	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
22	Chỉ số selen	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
23	Chỉ số coban	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
24	Chỉ số mangan	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
25	Chỉ số niken	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
26	Chỉ số đồng	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
27	Chỉ số bạc	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
28	Chỉ số vàng	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
29	Chỉ số bạch kim	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
30	Chỉ số iri	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
31	Chỉ số osmi	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
32	Chỉ số platin	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
33	Chỉ số ruthen	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
34	Chỉ số rhodi	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
35	Chỉ số palladi	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
36	Chỉ số indium	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
37	Chỉ số galli	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
38	Chỉ số germani	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
39	Chỉ số arsenic	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
40	Chỉ số antimon	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
41	Chỉ số bismut	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
42	Chỉ số thallium	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
43	Chỉ số chì	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
44	Chỉ số thủy ngân	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
45	Chỉ số cadmi	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
46	Chỉ số kẽm	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
47	Chỉ số đồng	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
48	Chỉ số bạc	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
49	Chỉ số vàng	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số
50	Chỉ số bạch kim	Chỉ số	Phương pháp	Chỉ số

Số: 252 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0241.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Vật liệu nông nghiệp Tư Hum, TT. Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 22/4/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC)

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 22/04/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	23/04/2020
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	23/04/2020
3	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,88	2	22/04/2020
4	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - CI F-2012	0,33	0,3 - 0,5	22/04/2020
5	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,42	2	22/04/2020
6	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	0,57	15	22/04/2020
7	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	22/04/2020
8	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,02	0,3	22/04/2020

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 4 năm 2020

GIÁM ĐỐC

